

BÀI THỰC HÀNH SỐ 4

Môi trường thực hành: MySQL Community Server 8.0.30 (hoặc phiên bản mới hơn).

Ứng dụng quản lý nhân viên

Mở cơ sở dữ liệu QLNV và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Tạo thủ tục có tên inDanhSachNV dùng để in danh sách tất cả nhân viên.
2. Tạo thủ tục có tên timNV để tìm nhân viên theo mã (ví dụ timNV 'HC001' sẽ in ra thông tin của nhân viên này).
3. Tạo thủ tục có tên demNV để đếm số lượng nhân viên nam hoặc nữ (ví dụ demNV N'Nam' sẽ in ra số lượng nhân viên nam).
4. Tạo thủ tục có tên DSNgoaiNgu hiển thị mã các ngoại ngữ của nhân viên (ví dụ DSNgoaiNgu N'Nguyễn Thị Hà' sẽ in ra các ngoại ngữ của 'Nguyễn Thị Hà').
5. Tạo thủ tục có tên timNVNN để in ra danh sách nhân viên có trình độ ngoại ngữ cần tìm (ví dụ timNVNN N'Anh' sẽ in ra thông tin những nhân viên có trình độ ngoại ngữ là tiếng Anh).
6. Tạo thủ tục có đầu vào là TenNN và đầu ra là tổng số lượng nhân viên đã học ngoại ngữ này.
7. Tạo thủ tục có:
Đầu vào: Tuoi1, Tuoi2
Đầu ra: tổng số nhân viên trong cơ quan có độ tuổi trong khoảng Tuoi1 và Tuoi2.
8. Tạo thủ tục cập nhật SDT cho các nhân viên (thủ tục có hai tham số đầu vào gồm mã nhân viên, số điện thoại). Nếu không tìm thấy nhân viên cần cập nhật trả về giá trị 0. Ngược lại, cho phép cập nhật.
9. Viết hàm thay thế các thủ tục trong câu 1-8.
10. Viết hàm có tham số đưa vào là MaNV, HoTen, GioiTinh, NgaySinh, Luong, MaPH, SDT, NgayBC. Trước khi chèn một bản ghi mới vào bảng NHANVIEN thì phải kiểm tra xem MaPH đã tồn tại bên bảng PHONG chưa, nếu chưa trả về 0.
11. Viết hàm timGioiTinhNhanVien cho biết giới tính của nhân viên (Ví dụ timGioiTinhNhanVien 'HC001' sẽ cho biết giới tính của nhân viên này).
12. Viết hàm cho biết những nhân viên nào có mức lương lớn hơn mức lương trung bình của phòng Kinh Doanh.
13. Viết hàm SoluongNV cho biết số lượng nhân viên của từng phòng.
14. Viết hàm TongLuongNV cho biết tổng lương nhân viên của từng phòng.
15. Viết hàm kiểmtraHuu cho biết nhân viên năm nay đã đủ tuổi nghỉ hưu hay chưa (Nam ≥ 60 tuổi, Nữ ≥ 55 tuổi).

-
16. Tạo khung nhìn tên là NVANH gồm các thuộc tính mã nhân viên, tên nhân viên, trình độ tiếng Anh của những nhân viên này.
 17. Tạo khung nhìn có tên NV_TRE để đưa ra danh sách các nhân viên có độ tuổi trong dưới 35. Sau đó dựa trên khung nhìn thực hiện các công việc sau:
 - a. Đưa ra danh sách các nhân viên có độ tuổi từ 25 đến 30.
 - b. Thực hiện câu lệnh Insert, Update, Delete trên view NV_TRE.
 - c. Xóa view NV_TRE sau đó tạo lại view này với mệnh đề With check option và thực hiện các câu lệnh Insert, Update, Delete trên view này.
 18. Tạo khung nhìn tên DSTA đưa ra danh sách các nhân viên học tiếng ANH (mã nhân viên, họ tên, ngày sinh, giới tính, tên phòng, trình độ. Sau đó dựa vào khung nhìn này để thực hiện:
 - a. Đưa ra danh sách các nhân viên có trình độ tiếng Anh từ loại C trở lên.
 - b. Tạo khung nhìn tên TAKD đưa ra danh sách nhân viên phòng Kinh Doanh học tiếng Anh
 - c. Thực hiện thử một câu lệnh Insert, Delete, Update vào khung nhìn